

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 35/TPHN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3864 2579

Fax: +84 24 3864 2579

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460/7.23.CIV. Chứng nhận lần đầu : 17/10/2018. Hiệu lực giấy chứng nhận : 16/03/2023 ÷ 15/03/2026. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

II. Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÁNH DẼO ĐẬU XANH HẠT SEN

2. Thành phần: Đường, Bột nếp, Nước, Đường trehalose, Đậu xanh (6,8%), Dầu thực vật (dầu cọ), Hương liệu tự nhiên (hoa bưởi), Chất làm ẩm (420(ii), 422, 1520), Đường mantoza, Hạt sen (0.8%), Chất ổn định (1442, 170(i)), Chất tạo xốp (339(i), 500(ii), 452(i)), Chất bảo quản (202, 281), Hương liệu tổng hợp (đậu xanh, vani), Maltodextrin, Chất tạo hương vị (lactisole), Muối, Chất điều chỉnh độ acid (330).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 50 ngày kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

+ Mỗi bánh được chứa trong khay nhựa PET và được đóng gói kín bằng bao bì có chất liệu PA/PE/PP chuyên dùng đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo yêu cầu của Bộ Y tế. Bánh có khối lượng tịnh: 80 g/chiếc, 100 g/chiếc, 120 g/chiếc, 130 g/chiếc, 150 g/chiếc, 180 g/chiếc, 210 g/chiếc, 250 g/chiếc.

+ Bánh được cho vào hộp giấy theo các quy cách quy định.

+ Lưu ý: Tên, mã sản phẩm, khối lượng tịnh: xem trên tem đính kèm sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

➤ **Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

▪ Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

▪ ĐT: +84 24 3664 9451

▪ Fax: +84 24 3664 2426

▪ E-mail: cskh@huunghi.com.vn;

▪ Website: www.huunghi.com.vn

➤ **Sản xuất tại: Chi nhánh công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc**

▪ Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số, tiêu chuẩn quốc gia:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- TCVN 12941 – 2020 Tiêu chuẩn quốc gia đối với bánh dẻo

2. Thông tư của các Bộ, ngành

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về thông tin ghi nhãn hàng hóa.
- Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định 43/2017/NĐ-CP.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lạ Nguyễn Hải

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	BÁNH DẼO ĐẬU XANH HẠT SEN	Số: 35/TPHN/2025
---	----------------------------------	-------------------------

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Hình thái: Hình dạng bên ngoài bánh có hình đặc trưng theo từng loại khuôn mẫu, hoa văn rõ nét, không nứt vỡ, không bẹp méo, vỏ mỏng bao kín nhân.
- Màu sắc: Vỏ bánh màu trắng đến trắng trong, nhân có màu đặc trưng theo tên gọi sản phẩm.
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng, không có mùi vị lạ, vị ngọt đậm.
- Tạp chất lạ: Không có.

1.2. Hàm lượng kim loại nặng: áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	ppm	0,1
2	Chì (Pb)	ppm	0,2

1.3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxyvalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

1.4. TCVN 12941 – 2020: Tiêu chuẩn quốc gia đối với bánh dẻo.

1.4.1. Yêu cầu về hóa lý theo TCVN 12941 - 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hoạt độ nước	-	0,87
2	Trị số peroxit	meq/kg	20
3	Trị số axit	mgKOH/g	5
4	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric 10%.	g/100g	0,1

1.4.2. Yêu cầu về giới hạn vi sinh vật đối với bánh không chứa sản phẩm từ động vật theo TCVN 12941 – 2020

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1ml sản phẩm)	
			Giới hạn dưới	Giới hạn trên
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CPU/g	10^4	10^5
2	E. Coli	CPU/g	20	10^2
3	Staphhylococci	CPU/g	20	10^2
4	Tổng số BTNM-M	CPU/g	150	

2. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

2.1. Hướng dẫn sử dụng:

- Dùng ăn trực tiếp.
- Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng, bên trong gói bánh có gói hút oxy, không được ăn.
- Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:
 - o Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ 10 – 15cm, cách tường ít nhất 30 cm.
 - o Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
- Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.

C.P. * 100



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

1. Trụ sở và Nhà máy Định Công: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam: Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

- Phạm vi được chứng nhận:
1. Sản xuất bánh cracker, lương khô (bánh dinh dưỡng), bánh tươi (bánh gato), bánh mỳ (bánh mỳ, Sandwich), đồ uống không cồn, mứt, bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta); Đóng gói kẹo tại Nhà máy Định Công.
 2. Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xốp, bánh mỳ (bánh mỳ, Sandwich), ruốc, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, mứt; Đóng gói kẹo tại Nhà máy Yên Phong.
 3. Sản xuất bánh mỳ (bánh mỳ, Sandwich), bánh gato, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta) tại Nhà máy Bình Dương.

Số Giấy chứng nhận:

HA 460/7.23.CIV

Mã ngành: CIV

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

Từ ngày 16/03/2023 đến ngày 15/03/2026

Ngày chứng nhận lần đầu:

17/10/2018



ENSURE YOUR SUCCESS

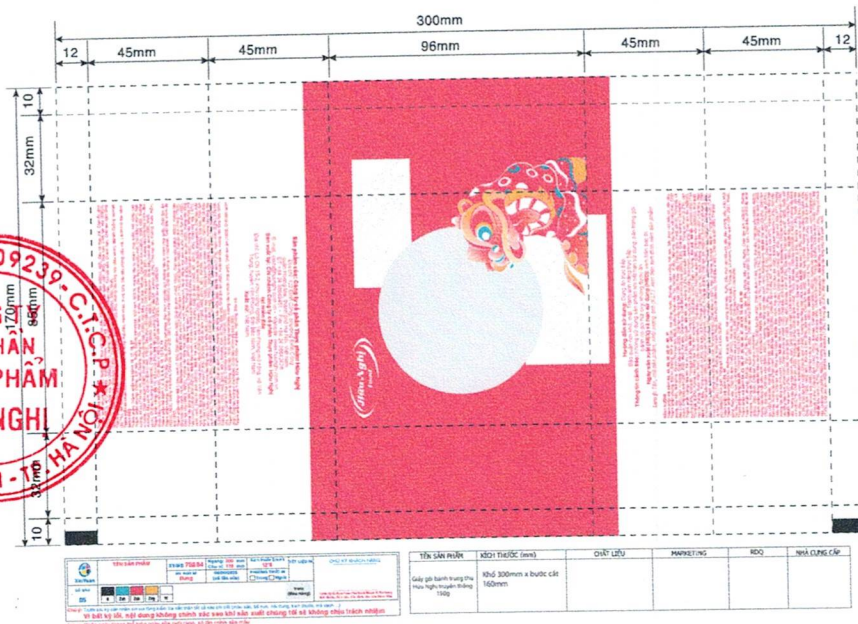
JAS-ANZ



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Hiệu lực của Giấy chứng nhận này có thể kiểm tra tại www.quacert.gov.vn và www.jas-anz.org/register



Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426
E-mail: cskh@huonghi.com.vn - Website: www.huonghi.com.vn
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
tại miền Bắc
Địa chỉ: Lô CN 15-2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên
Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Xuất xứ: Việt Nam

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.
Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng, bên trong gói
bánh có gói hút oxy, không được ăn.
Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.
Lưu ý: Tên, mã sản phẩm, khối lượng tịnh (KL): xem trên tem đính kèm sản phẩm.

BÁNH NƯỚNG

Thành phần mã bánh 44, 45, 48, 50, 60, 61, 62, 91

Thành phần chung: Bột mì, Đường, Mút bí, Mỡ lợn, Hạt vừng, Nước, Bột nếp, Lạp xưởng, Hạt dưa, Dầu thực vật (dầu cọ, dầu đậu phộng, dầu mè), Mút gừng, Xà xiu (Thịt nạc lợn, Muối, Đường, Rượu nếp, Tỏi, Hạt tiêu, Xi dầu, Mật ong, Dầu thực vật (dầu mè), Chất phồng, dầu mè), Ngũ vị hương, Chất bảo quản (200), Chất tạo màu tổng hợp (129), Rượu nếp, Chất ổn định (1442, 501(i)), Trứng gà, Lá chanh, Chất bảo quản (281, 202), Muối, Hạt tiêu, Chanh tươi, Chất điều chỉnh độ acid (500(ii), 330), Chất tạo hương vị (lactisole).
Thành phần riêng: Mã 44: Xà xiu (1,8%), Mút gừng. Mã 45: Lạp xưởng (5,2%), Mút gừng. Mã 48: Trứng vịt muối (5,2%), Lạp xưởng (4,8%), Mút gừng (0,8%), Trứng gà (0,8%), Hạt tiêu, Mút chanh, Jambon (3%), Chất làm ẩm (420(ii)), Bột gạo (0,8%), Hương liệu tổng hợp (thịt, thịt xông khói), Chất điều vị (621), Ngũ vị hương, Bột gừng. Mã 60: Jambon (3%) (Thịt nạc lợn, Đường, Nước mắm, Muối, Dầu thực vật (dầu cọ), Chất điều vị (621), Chất bảo quản (200), Chất tạo màu tổng hợp (129)). Mã 61: Hạt tiêu, Trứng vịt muối (4,3%), Gà quay (3,3%) (Thịt gà (87%), Mỡ lợn, Tỏi, Muối, Đường, Chất điều vị (621), Hạt tiêu, Ngũ vị hương, Chất bảo quản (200)). Mã 62: Trứng vịt muối (4,3%), Hạt tiêu, Mút chanh, Jambon, Chất làm ẩm (420(ii)), Trứng gà (0,8%), Vi cá (0,35%), Hương liệu tổng hợp (thịt, thịt xông khói), Chất điều vị (621), Ngũ vị hương, Bột gừng. Mã 91: Trứng vịt muối (7,4%), Jambon (2,6%) (Thịt nạc lợn, Đường, Nước mắm, Muối, Dầu thực vật (dầu cọ), Chất điều vị (621), Chất bảo quản (200), Chất tạo màu tổng hợp (129)), Mút gừng (0,8%), Xà xiu (0,8%).

Thành phần mã bánh 29, 43

Thành phần chung: Bột mì, Đường, Mút bí, Mỡ lợn, Hạt vừng, Bột nếp, Nước, Dầu thực vật (dầu cọ, dầu đậu phộng, dầu mè), Mút gừng, Rượu nếp, Chất ổn định (1442, 501(i)), Hạt dưa, Lạp xưởng, Mút gừng, Trứng gà, Lá chanh, Chất bảo quản (281, 202), Muối, Hạt tiêu, Chanh tươi, Chất điều chỉnh độ acid (500(ii), 330), Chất tạo hương vị (lactisole).

Thành phần riêng: Mã 29: Trứng vịt muối (5,2%), Trứng gà (0,8%).

Thành phần mã bánh 24, 25, 26, 27, 28, 30, 36, 37, 39, 69, 70, 88, 89, 90

Thành phần chung: Đường, Bột mì, Dầu thực vật (dầu cọ, dầu đậu phộng, dầu mè), Nước, Chất làm ẩm (420(ii)), Đường mantozơ, Trứng gà, Chất bảo quản (281, 202), Chất tạo màu tổng hợp (129), Chất ổn định (501(i)), Chanh tươi, Chất điều chỉnh độ acid (500(i), 330), Muối, Chất tạo hương vị (lactisole).

Thành phần riêng: Mã 24: Đậu xanh (20,7%), Chất làm ẩm (422), Chất ổn định (1442, 170(ii)), Bột nếp, Chất tạo màu tổng hợp (133), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, vani), Maltodextrin. Mã 25: Đậu xanh (19,1%), Hạt dưa (5,7%), Chất làm ẩm (422), Chất ổn định (1442, 170(ii)), Bột nếp, Chất tạo màu tổng hợp (133), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, vani), Maltodextrin. Mã 26: Hạt sen (23,2%), Chất làm ẩm (422), Bột nếp, Hương liệu tổng hợp (vani). Mã 27: Hạt sen (21,6%), Trứng vịt muối (5,1%), Chất làm ẩm (422), Trứng gà (0,8%), Bột nếp, Hương liệu tổng hợp (vani). Mã 28: Đậu (22,3%), Chất ổn định (1442, 461, 415), Chất nhũ hóa (471), Hương liệu tổng hợp (đầu đỏ, vani), Chất tạo màu tổng hợp (150c). Mã 30: Đậu xanh, Hạt sen, Chất làm ẩm (422), Bột trà xanh Matcha (1,3%), Bột nếp, Hương liệu tổng hợp (vani, khoai môn), Chất tạo màu tự nhiên (120), Chất điều chỉnh độ acid (525), Maltodextrin, Chất tạo màu tổng hợp (133). Mã 36: Hạt sen, Khoai môn (12,8%), Chất ổn định (1442, 461, 415), Chất nhũ hóa (471), Hương liệu tổng hợp (vani, khoai môn), Chất tạo màu tự nhiên (120), Chất điều chỉnh độ acid (525), Maltodextrin, Chất tạo màu tổng hợp (133). Mã 37: Hạt sen (21,5%), Sữa bột, Chất ổn định (1200, 1442, 461), Bột dưa, Cốm (2,2%), Dưa tươi, Chất làm ẩm (422, 1520), Nước cốt dưa (1,3%), Chất làm ẩm (422), Chất ổn định (1442, 170(ii)), Bột nếp, Chất tạo màu tổng hợp (133), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, vani), Maltodextrin. Mã 69: Đậu xanh, Hạt dưa (4,6%), Dưa tươi (2,9%), Sữa bột (2,8%), Bột dưa (1,8%), Nước cốt dưa (1,3%), Chất làm ẩm (422), Chất ổn định (1442), Hương liệu tổng hợp (sữa, dưa), Mã 70: Hạt sen (19,8%), Hạnh nhân (5,9%), Sữa bột, Chất ổn định (1200, 1442, 461), Bột dưa, Cốm (2%), Dưa tươi, Chất làm ẩm (422, 1520), Nước cốt dưa, Hương liệu tổng hợp (cốm, sữa, dưa), Chất nhũ hóa (433), Chất tạo màu tự nhiên (141(ii), 100(ii)). Mã 88: Đậu xanh (18,1%), Trứng vịt muối (7,4%), Chất làm ẩm (422), Trứng gà (0,8%), Chất ổn định (1442, 170(ii)), Bột nếp, Chất tạo màu tổng hợp (133(ii), 452(ii)), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, vani), Maltodextrin. Mã 89: Đậu xanh (16,7%), Trứng vịt muối (7,4%), Hạt dưa (5%), Chất làm ẩm (422), Trứng gà (0,8%), Chất ổn định (1442, 170(ii)), Bột nếp, Chất tạo màu tổng hợp (133(ii), 452(ii)), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, vani), Maltodextrin. Mã 90: Đậu xanh, Hạt sen (7,8%), Trứng vịt muối (7,4%), Chất làm ẩm (422), Bột trà xanh Matcha (1,2%), Trứng gà (0,8%), Bột nếp, Hương liệu tổng hợp (trà xanh, vani).

Thành phần mã bánh 63, 64

Thành phần chung: Bột mì, Nước, Dầu thực vật (dầu cọ, dầu mè), Chất làm ẩm (420(ii), 422), Dầu bột thay thế, Chất ổn định (1442, 501(i), 461), Bột nếp, Đường mantozơ, Trứng gà, Sữa bột, Chất bảo quản (281, 202), Dưa tươi, Chất tạo màu tổng hợp (133(ii), 452(ii)), Chất nhũ hóa (322(ii), 471), Hương liệu tổng hợp (vani), Rượu nếp, Tinh bột sắn, Chanh tươi, Chất tạo ngọt tổng hợp (950), Chất tạo màu tổng hợp (150c), Chất điều chỉnh độ acid (500(i), 330), Muối.

Thành phần riêng: Mã 63: Đường Isomalt (29,9%), Đậu xanh (22,5%), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh). Mã 64: Đường Isomalt (30,7%), Hạt sen (23,3%).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Hạt vừng, Hạt điều, Hạnh nhân, Vi cá, Dưa, Dầu đậu phộng, Dầu mè, Lecithin từ đậu nành.

BÁNH DẪO

Thành phần: Thành phần mã bánh 16, 17, 18, 57

Thành phần chung: Đường, Bột nếp, Nước, Đường trehalose, Mút sen, Mút bí, Hương liệu tự nhiên (hoa bưởi), Hạt vừng, Lạp xưởng, Xà xiu (Thịt nạc lợn, Muối, Đường, Rượu nếp, Tỏi, Hạt tiêu, Xi dầu, Mật ong, Dầu thực vật (dầu mè), Chất phồng, dầu mè), Ngũ vị hương, Chất bảo quản (200), Chất tạo màu tổng hợp (129), Hạt tiêu, Hạt dưa, Mỡ lợn, Chất làm ẩm (420(ii), 1520, 422), Đường mantozơ, Đậu xanh, Chất ổn định (1442, 170(ii)), Dầu thực vật (dầu cọ), Chất bảo quản (202, 281), Hương liệu tổng hợp (vani, đầu xanh), Chất tạo hương vị (lactisole), Chất tạo màu tổng hợp (133(ii), 452(ii)), Maltodextrin, Chất điều chỉnh độ acid (330), Muối.

Thành phần riêng: Mã 17: Xà xiu (2,2%). Mã 18: Lạp xưởng (2,2%). Mã 57: Jambon (0,7%) (Thịt nạc lợn, Đường, Nước mắm, Muối, Dầu thực vật (dầu cọ), Chất điều vị (621), Chất bảo quản (200), Chất tạo màu tổng hợp (129)).

Thành phần mã bánh 1, 2, 3, 4, 6, 9, 10, 12, 73, 74

Thành phần chung: Đường, Bột nếp, Nước, Đường trehalose, Dầu thực vật (dầu cọ), Hương liệu tự nhiên (hoa bưởi), Chất làm ẩm (420(ii), 1520), Đường mantozơ, Chất bảo quản (202, 281), Chất tạo màu tổng hợp (133(ii), 452(ii)), Chất tạo hương vị (lactisole), Chất điều chỉnh độ acid (330).

Thành phần riêng: Mã 1: Đậu xanh (7,5%), Chất làm ẩm (422), Chất ổn định (1442, 170(ii)), Chất tạo màu tổng hợp (133(ii), 452(ii)), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, vani), Maltodextrin, Muối. Mã 2: Đậu xanh (7,2%), Hạt dưa (1,1%), Chất làm ẩm (422), Chất ổn định (1442, 170(ii)), Chất tạo màu tổng hợp (133(ii), 452(ii)), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, vani), Maltodextrin, Muối. Mã 3: Hạt sen (8,4%), Chất làm ẩm (422), Hương liệu tổng hợp (vani), Chất ổn định (501(ii)). Mã 4: Hạt sen (7,8%), Trứng vịt muối (5,3%), Chất làm ẩm (422), Hương liệu tổng hợp (trà xanh, vani), Chất ổn định (501(ii)). Mã 9: Hạt sen, Khoai môn (4,6%), Chất ổn định (1442, 461, 501(ii), 415), Chất nhũ hóa (471), Hương liệu tổng hợp (vani, khoai môn), Muối, Chất tạo màu tự nhiên (120), Chất điều chỉnh độ acid (525), Maltodextrin, Chất tạo màu tổng hợp (133). Mã 10: Hạt sen (7,8%), Sữa bột, Chất ổn định (1200, 1442, 501(ii), 461), Bột dưa, Cốm (0,78%), Dưa tươi, Chất làm ẩm (422), Nước cốt dưa, Hương liệu tổng hợp (cốm, sữa, dưa), Chất nhũ hóa (433), Chất tạo màu tự nhiên (141(ii), 100(ii)). Mã 12: Đậu xanh (6,9%), Trứng vịt muối (5,3%), Chất làm ẩm (422), Chất ổn định (1442, 170(ii)), Chất tạo màu tổng hợp (133(ii), 452(ii)), Hương liệu tổng hợp (đầu xanh, vani), Maltodextrin, Muối. Mã 73: Đậu xanh, Hạt dưa (1,7%), Dưa tươi (1%), Sữa bột (1%), Bột dưa (0,7%), Nước cốt dưa (0,5%), Chất làm ẩm (422), Chất ổn định (1442), Hương liệu tổng hợp (sữa, dưa), Mã 74: Hạt sen (7,2%), Hạnh nhân (2,2%), Sữa bột, Chất ổn định (1200, 1442, 501(ii), 461), Bột dưa, Cốm (0,7%), Dưa tươi, Chất làm ẩm (422), Nước cốt dưa, Hương liệu tổng hợp (cốm, sữa, dưa), Chất nhũ hóa (433), Chất tạo màu tự nhiên (141(ii), 100(ii)).

Thành phần mã bánh 5: Đường, Bột nếp, Nước, Đường trehalose, Hương liệu tự nhiên (hoa bưởi), Chất làm ẩm (1520), Chất bảo quản (202), Chất tạo hương vị (lactisole), Chất điều chỉnh độ acid (330).

Thành phần có chứa: Trứng, Sữa, Hạnh nhân, Hạt điều, Hạt vừng, Dầu mè.

Lưu ý: Tên, mã sản phẩm, khối lượng tịnh (KLT): xem trên tem đính kèm sản phẩm.

86

BÁNH DẪO

ĐẬU XANH HẠT SEN

Khối lượng tịnh: 150 g

Lượng dinh dưỡng được tính 100 g:
Năng lượng; 331 Kcal, Chất đạm; 3 g, Carbo-
hydrate; 74,5 g, Đường tổng số; 28,3 g, Tổng
chất béo; 2,3 g, Natri; 43 mg.

Số công bố: 35/TPHN/2025

86

BÁNH DẪO

ĐẬU XANH HẠT SEN

Khối lượng tịnh: 150 g

Lượng dinh dưỡng được tính 100 g:
Năng lượng; 331 Kcal, Chất đạm; 3 g,
Carbohydrate; 74,5 g, Đường tổng số; 28,3 g,
Tổng chất béo; 2,3 g, Natri; 43 mg.

Số công bố: 35/TPHN/2025





Report N°: 0000952020

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: June 03, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 03/06/2025

JOB NO.: 2505A-4009

Đơn hàng: 2505A-4009

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : HUU NGHI FOOD JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

CLIENT'S ADDRESS : 122 DINH CONG ST., DINH CONG WARD, HOANG MAI DIST., HA NOI CITY,
Địa chỉ : VIETNAM
122 ĐỊNH CÔNG, PHƯỜNG ĐỊNH CÔNG, QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : BÁNH DẼO ĐẬU XANH HẠT SEN
Chú thích của khách hàng :

Sampling date : 22/05/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 0.6kg) in 03 full labeled plastic containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.6kg bao gồm bao bì) chứa trong 03 vật chứa bằng nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2505A-4009.002
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : May 26, 2025
Ngày nhận mẫu : 26/05/2025

Testing period : May 26, 2025 - June 03, 2025
Thời gian thử nghiệm : 26/05/2025 - 03/06/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tây Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000952020

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Crude protein Đạm thô	ISO 1871:2009	3.08	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
2. Moisture (105°C) Độ ẩm	TCVN 4069:2009	19.68	0.1	0.35	g/100g	
3. Total ash Tro tổng	AOAC 900.02	0.33	0.03	0.1	g/100g	
4. Total carbohydrate Cacbohydrat tổng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	74.5615	-	-	g/100g	
5. Carbohydrate (not including dietary fiber) Carbohydrat (không bao gồm xơ)	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	72.72	-	-	g/100g	
6. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)	AOAC 991.43	1.84	0.1	0.4	g/100g	Note (F)
7. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	2.3485	0.0001	0.0003	g/100g	
8. Saturated fatty acids (SFA) Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.9716	0.0001	0.0003	g/100g	
9. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) Axit béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0175	0.0001	0.0003	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug. 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.



Report N°: 0000952020

Page N° 3/5

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
10. Total sugars (sum of Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, and Sucrose) Đường tổng (tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose và Sucrose)	AOAC 2018.16	28.3	_(a)	_(a)	g/100g	
11. Fructose Fructose	AOAC 2018.16	0.285	0.03	0.1	g/100g	
12. Galactose Galactose	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.03	0.1	g/100g	
13. Glucose Glucose	AOAC 2018.16	0.333	0.03	0.1	g/100g	
14. Lactose Lactose	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.03	0.1	g/100g	
15. Maltose Maltose	AOAC 2018.16	0.517	0.03	0.1	g/100g	
16. Sucrose Sucrose	AOAC 2018.16	27.2	0.03	0.1	g/100g	
17. Sodium (Na) Natri	AOAC 2011.14	43	0.5	1	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).
(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).
- g/100g = % (w/w); mL/100mL = % (v/v); mL/100g = % (v/w); g/100mL = % (w/v).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn





Report N°: 0000952020

Page N° 5/5

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD.

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự

Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot II/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.